Người ký: Trung tâm Phục vụ hành chính công
Email: vanthu-kontum@chinhphu.vn
Cơ quan: Tỉnh Kon Tum
Thời gian ký: 08.08.2024 09:10:47 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 397/QĐ-UBND	*Kon Tum, ngày 03 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2023/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Hội đông nhân dân tỉnh về giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Kon Tum năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 106/TTr-SNN ngày 26 tháng 6 năm 2024 và Công văn số 2379/SNN-CCTL ngày 28 tháng 6 năm 2024 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 1327/STP-XDKTr&PBPL ngày 28 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum[(1)] như sau:

1. Biểu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

STT	Biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
1	Tưới tiêu bằng động lực	1.629

[(1)] Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất tại cuộc họp ngày 02 tháng 7 năm 2024.

STT	Biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
2	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.140
3	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.385

a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại Biểu trên.

b) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá tại Biểu trên.

c) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá tại Biểu nêu trên.

d) Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại Biểu nêu trên.

đ) Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu được tính bằng 30% mức giá quy định tại Biểu nêu trên.

2. Mức giá đối với diện tích trồng mạ, rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa.

3. Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới đối với cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo biểu sau:

STT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Mức giá theo các biện pháp công trình	
			Bơm	Hồ đập, kênh cống
1	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m^3	1.320	900
2	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m^3	840	600
		đồng/m^2 mặt thoáng/năm	250	
3	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m^3	1.020	840

Trường hợp cấp nước tưới đối với cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m^3) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

4. Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị mức giá

bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

5. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 quy định tại Quyết định này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Tài chính chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này theo quy định.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị, Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Kon Tum tổng hợp, phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính để nghiên cứu, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tư Pháp, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Kon Tum; Giám đốc Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Kon Tum và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Ngọc Tuấn